

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN PT, TP HÀ NỘI Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 05 /2018/KDTM-ST

Ngày 31 - 10 - 2018

V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT- THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đặng Thị Bích Loan**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Đặng Hữu Tình**

Bà **Kiều Thị Ninh**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Hoàng Thị Hải Uyên**, Thư ký Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thành Trung** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2018/TLST- KDTM ngày 21 tháng 5 năm 2018 về việc Tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST- KDTM ngày 27 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐST- KDTM ngày 15/10/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP A**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 198 Trần Quang Khải, Phường LTT, Quận HK, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Xuân T**, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn L**; Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Việt Nam, Chi nhánh Tây Hà Nội; Địa chỉ trụ sở Chi nhánh: Lô HH 03, đường Tố Hữu, phường VP, Quận HĐ, Thành phố Hà Nội.

Người được ủy quyền lại: Ông **Hoàng Mạnh D**; Chức vụ: Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng TMCP A- Chi nhánh Tây Hà Nội; có mặt.

- *Bị đơn:* **Công ty cổ phần B**

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Điểm Tổng, xã TG, huyện PT, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Đình T**; Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A- chi nhánh Tây Hà Nội trình bày: Ngày 21/9/2016, Công ty cổ phần B (gọi tắt là Công ty CP B) ký Hợp đồng cấp tín dụng số 82/CTD/16/KHDN/VCBHT-NHP và Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 83/HM/16/KHDN/VCBHT-NHP (Sau đây gọi chung là “Hợp đồng tín dụng”) để vay của Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh Tây Hà Nội (gọi tắt là A - Chi nhánh Tây Hà Nội), số tiền cụ thể như sau: Hạn mức vay: 15.000.000.000đ (Mười lăm tỷ đồng). Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động để thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng; Thời hạn tối đa của mỗi khoản nợ: 06 tháng kể từ ngày A - Chi nhánh Tây Hà Nội giải ngân vốn vay và được ghi trên giấy nhận nợ.

Tổng số tiền Công ty Cổ phần B đã nhận nợ là 32.241.923.410đ (bao gồm 19 giấy nhận nợ từ số 01 đến số 19). Cụ thể như sau:

Giấy nhận nợ	Ngày nhận nợ	Ngày đáo hạn	Số tiền nhận nợ ban đầu	Số tiền đã trả nợ	Ngày trả nợ	Dư nợ còn lại tại ngày 02/07/2018
1	28/09/2016	28/03/2017	3,372,665,060	3,372,665,060	28/03/2017	-
2	13/10/2016	13/04/2017	2,624,000,000	2,624,000,000	13/04/2017	-
3	31/10/2016	30/04/2017	6,117,484,000	6,117,484,000	30/04/2017	-
4	22/11/2016	22/05/2017	2,600,000,000	2,600,000,000	22/05/2017	-
5	27/02/2017	27/08/2017	457,500,000	457,500,000	27/08/2017	-
6	21/03/2017	21/09/2017	593,625,000	593,625,000	21/09/2017	-
7	31/03/2017	02/10/2017	2,523,771,280	1,636,754,549	27/04/2018	887,016,731
8	07/04/2017	09/10/2017	4,273,750,000		-	4,273,750,000
9	13/04/2017	13/10/2017	1,186,748,970		-	1,186,748,970
10	17/04/2017	17/10/2017	1,650,700,000		-	1,650,700,000
11	21/04/2017	23/10/2017	1,009,571,200		-	1,009,571,200
12	26/04/2017	26/10/2017	724,300,000		-	724,300,000
13	08/05/2017	09/11/2017	1,298,800,000		-	1,298,800,000
14	18/05/2017	20/11/2017	858,000,000		-	858,000,000
15	19/05/2017	20/11/2017	399,000,000		-	399,000,000
16	12/07/2017	12/01/2018	312,715,000		-	312,715,000
17	11/08/2017	12/02/2018	305,500,000		-	305,500,000
18	13/09/2017	13/03/2018	1,000,000,000		-	1,000,000,000
19	20/09/2017	20/03/2018	933,792,900		-	933,792,900
Tổng cộng			32,241,923,410	17,402,028,609		14,839,894,801

Biện pháp bảo đảm: Khoản vay hiện không có tài sản bảo đảm.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Công ty Cổ phần B đã trả nợ tính đến ngày

02/7/2018 là 17.402.028.609đ (bao gồm toàn bộ dư nợ của 06 giấy nhận nợ từ giấy nhận nợ số 01 đến số 06 và một phần dư nợ của giấy nhận nợ số 07).

Dư nợ gốc tính đến ngày 02/7/2018 là 14.839.894.801đ (bao gồm giấy nhận nợ từ số 07 đến số 19), cụ thể như sau:

Giấy nhận nợ số	Dư nợ (VND)	Ngày giải ngân	Ngày đến hạn	Ngày nhảy nhóm nợ	Lãi suất trong hạn trên giấy nhận nợ (%/năm)	Lãi suất thực tế áp dụng từ thời điểm giải ngân đến trước thời điểm quá hạn (%/năm)	Lãi suất áp dụng sau khi từ thời điểm quá hạn trở đi (%/năm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (7)*150%
7	887.016.731	31/03/2017	02/10/2017	12/10/2017	7.3%	8.50%	12.75%
8	4.273.750.000	07/04/2017	09/10/2017	12/10/2017	7.3%	8.50%	12.75%
9	1.186.748.970	13/04/2017	13/10/2017	12/10/2017	7.3%	8.50%	12.75%
10	1.650.700.000	17/04/2017	17/10/2017	12/10/2017	7.3%	8.50%	12.75%
11	1.009.571.200	21/04/2017	23/10/2017	12/10/2017	7.3%	8.50%	12.75%
12	724.300.000	26/04/2017	26/10/2017	12/10/2017	7.3%	8.50%	12.75%
13	1.298.800.000	08/05/2017	09/11/2017	12/10/2017	7.3%	8.50%	12.75%
14	858.000.000	18/05/2017	20/11/2017	12/10/2017	7.3%	8.50%	12.75%
15	399.000.000	19/05/2017	20/11/2017	12/10/2017	7.3%	8.30%	12.45%
16	312.715.000	12/07/2017	12/01/2018	12/10/2017	7.3%	8.30%	12.45%
17	305.500.000	11/08/2017	12/02/2018	12/10/2017	7.3%	8.30%	12.45%
18	1.000.000.000	13/09/2017	13/03/2018	12/10/2017	7.3%	8.30%	12.45%
19	933.792.900	20/09/2017	20/03/2018	12/10/2017	7.3%	8.30%	12.45%
Tổng cộng	14.839.894.801						

Công ty Cổ phần B giải ngân khoản vay đầu tiên tại A - Chi nhánh Tây Hà Nội ngày 28/09/2016 và bắt đầu phát sinh nợ quá hạn kể từ ngày 03/10/2017. Ngày 05/10/2017, A - Chi nhánh Tây Hà Nội đã có thông báo về các khoản nợ quá hạn gửi đến Công ty Cổ phần B, tuy nhiên, Công ty Cổ phần B không trả các khoản nợ quá hạn cho A - Chi nhánh Tây Hà Nội.

Kể từ ngày 12/10/2017, các khoản vay của Công ty Cổ phần B tại A- Chi nhánh Tây Hà Nội quá hạn 10 ngày và được phân loại vào nợ nhóm 2 (Nợ cần chú ý) với số dư nợ gốc là 14.988.894.801 đồng.

Sau khi Công ty Cổ phần B phát sinh nợ quá hạn nhóm 2, A - Chi nhánh Tây Hà Nội đã nhiều lần gửi thông báo và các biên bản làm việc đề nghị Công ty cổ phần B trả nợ. Tuy nhiên, Công ty cổ phần B không có động thái trả nợ cho A - Chi nhánh Tây Hà

Nội.

Kể từ ngày 31/12/2017, các khoản vay của Công ty cổ phần B tại A - Chi nhánh Tây Hà Nội được phân loại vào nợ nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn).

Hiện tại, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần B vẫn diễn ra nhưng dòng tiền thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh không chuyển về tài khoản của Công ty mở tại A- Chi nhánh Tây Hà Nội để trả nợ mà chuyển về tài khoản mở tại các tổ chức tín dụng khác.

Ngày 12/01/2018, Công ty Cổ phần B gửi Công văn số 05/CV tới A - Chi nhánh Tây Hà Nội về kế hoạch trả nợ gốc của Công ty. Công ty B đồng ý trả nợ theo kỳ như sau:

- + Từ tháng 2 năm 2018 đến tháng 12 năm 2018 trả một tháng: 200.000.000 đồng. Tổng năm 2018 trả số tiền là 2.200.000.000 đồng (*Hai tỷ, hai trăm triệu đồng*).

- + Năm 2019, trả nợ với số tiền 300.000.000 đồng/tháng. Tổng năm 2019 trả số tiền là 3.600.000.000 đồng (*Ba tỷ, sáu trăm triệu đồng*).

- + Số tiền còn lại, Công ty B sẽ trả hết trong năm 2020.

Tuy nhiên, đến ngày 09/02/2018, Công ty B gửi Công văn số 06/CV về việc thay đổi kế hoạch trả nợ đã gửi tới A - Chi nhánh Tây Hà Nội theo Công văn số 05/CV ngày 12/01/2018. Cụ thể như sau:

- + Trong tháng 02 năm 2018, trả nợ với số tiền 100.000.000 đồng

- + Từ tháng 3 năm 2018 đến tháng 12/2018, trả nợ với số tiền 200.000.000 đồng/tháng.

- + Năm 2019, trả nợ với số tiền 400.000.000 đồng/tháng

- + Năm 2020 Công ty B trả hết nợ cho A - Chi nhánh Tây Hà Nội.

Mặc dù đã có các cam kết trả nợ nêu trên nhưng kể từ khi phát sinh nợ quá hạn (ngày 03/10/2017) đến thời điểm ngày 03/07/2018, Công ty B mới trả được tổng cộng 150.000.000 đồng nợ gốc quá hạn, không đúng theo cam kết trả nợ mà Công ty B đã gửi tới A - Chi nhánh Tây Hà Nội.

Tính đến hết ngày 02/07/2018, Tổng dư nợ của Công ty B tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) tại A - Chi nhánh Tây Hà Nội là: 16.308.403.498 đồng (*Mười sáu tỷ, ba trăm linh tám triệu, bốn trăm linh ba nghìn, bốn trăm chín mươi tám đồng*), trong đó:

Nợ gốc: 14.839.894.801 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.468.508.697đồng.

A - Chi nhánh Tây Hà Nội đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu Công ty Cổ phần B thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên theo Hợp đồng cấp tín dụng số 82/CTD/16/KHDN/VCBHT-NHP ngày 21/09/2016 và Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 83/HM/16/KHDN/VCBHT-NHP ngày 21/09/2016. Tuy nhiên, tính đến nay, Công ty B vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Vietcombank, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với A, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của A gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của Vietcombank.

Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Công ty Cổ phần B phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho A toàn bộ số tiền tạm tính đến hết ngày 02/07/2018 là: 16.308.403.498 đồng (*Mười sáu tỷ, ba trăm linh tám triệu, bốn trăm linh ba nghìn, bốn trăm chín mươi tám đồng*), trong đó: Nợ gốc: 14.839.894.801 đồng; Nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn: 1.468.508.697đồng. Yêu cầu Công ty Cổ phần B phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 83/HM/16/KHDN/VCBHT-NHP ngày 21/09/2016 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung đi kèm, kể từ ngày 03/7/2018 cho đến ngày Công ty Cổ phần B trả hết nợ gốc cho A.

Về án phí: Yêu cầu Công ty Cổ phần B phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

+ Đại diện bị đơn: Ông Phạm Đình T, Tổng giám đốc Công ty cổ phần B trình bày: Ông thừa nhận Công ty cổ phần B có ký Hợp đồng tín dụng số 82/CTD/16/KHDN/VCBHT- NHP và Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 83/HM/16/KHDN/VCBHT- NHP để vay tiền của Ngân hàng TMCP A, mục đích vay bổ sung vốn lưu động để phục vụ sản xuất kinh doanh. Tính đến hết ngày 02/07/2018, tổng dư nợ của Công ty Cổ phần B tại A - Chi nhánh Tây Hà Nội là: 16.308.403.498 đồng (*Mười sáu tỷ, ba trăm linh tám triệu, bốn trăm linh ba nghìn, bốn trăm chín mươi tám đồng*), trong đó: Nợ gốc: 14.839.894.801 đồng; Nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn: 1.468.508.697đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu Công ty Cổ phần B phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho A toàn bộ số tiền nêu trên và yêu cầu Công ty cổ phần B phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 83/HM/16/KHDN/VCBHT-NHP ngày 21/09/2016 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung đi kèm, kể từ ngày 03/7/2018 cho đến ngày Công ty Cổ phần B trả hết nợ gốc cho A. Ông

xác định trách nhiệm trả nợ theo hợp đồng tín dụng nêu trên là của Công ty cổ phần B và xin trả nợ dần.

Về án phí: Công ty cổ phần B đồng ý chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Công ty cổ phần B phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho A toàn bộ số tiền tính đến hết ngày 02/07/2018 là: 16.308.403.498 đồng, trong đó: Nợ gốc: 14.839.894.801 đồng; Nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn: 1.468.508.697 đồng. Yêu cầu Công ty cổ phần B phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 83/HM/16/KHDN/VCBHT-NHP ngày 21/09/2016 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung đi kèm, kể từ ngày 03/7/2018 cho đến ngày Công ty cổ phần B trả hết nợ gốc cho A.

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai trước đây, Ngân hàng còn đề nghị Tòa án tuyên : Nếu Công ty cổ phần B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/ quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty B để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Ngân hàng không yêu cầu về vấn đề này nữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Về thời hiệu và thẩm quyền, Tòa án nhân dân huyện PT đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thời hiệu và thẩm quyền. Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, việc xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng đảm bảo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Việc Ngân hàng khởi kiện đòi nợ đối với Công ty B là có căn cứ. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết của Quốc hội về án phí: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP A, buộc Công ty cổ phần B phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến hết ngày 02/07/2018 là: 16.308.403.498 đồng (*Mười sáu tỷ, ba trăm linh tám triệu, bốn trăm linh ba nghìn, bốn trăm chín mươi tám đồng*), trong đó: Nợ gốc: 14.839.894.801 đồng; Nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn: 1.468.508.697 đồng. Yêu cầu Công ty B phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 83/HM/16/KHDN/VCBHT-NHP

ngày 21/09/2016 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung đi kèm, kể từ ngày 03/7/2018 cho đến ngày Công ty B trả hết nợ gốc cho A.

Về án phí: Công ty Cổ phần B phải chịu án phí theo quy định. Trả lại Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Công ty cổ phần B có địa chỉ trụ sở chính tại thôn Điểm Tổng, xã TG, huyện PT, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Phạm Đình T, Tổng giám đốc. Ngân hàng TMCP A khởi kiện đòi nợ theo hợp đồng tín dụng, Tòa án nhân dân huyện PT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, thời gian đầu đại diện bị đơn đến Tòa án, sau đó không hợp nên Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng và đã thực hiện việc niêm yết các Văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện PT ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên toà, đại diện bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với phía bị đơn là Công ty cổ phần B.

[2] Về nội dung: Ngày 21/9/2016 Công ty cổ phần B ký Hợp đồng cấp tín dụng số 82/CTD/16/KHDN/VCBHT-NHP và Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 83/HM/16/KHDN/VCBHT-NHP để vay của Ngân hàng TMCP A- Chi nhánh Tây Hà Nội, số tiền cụ thể như sau: Hạn mức vay: 15.000.000.000đ (*Mười lăm tỷ đồng*). Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động để thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng; Thời hạn tối đa của mỗi khoản nợ: 06 tháng kể từ ngày A - Chi nhánh Tây Hà Nội giải ngân vốn vay và được ghi trên giấy nhận nợ.

Lãi xuất cho vay trong hạn: Trường hợp các khoản vay theo Chương trình cho vay ngắn hạn lãi suất cạnh tranh năm 2016 bị chuyển nợ nhóm 2, lãi suất cho vay áp dụng là lãi suất cho vay thông thường theo thông báo của Ngân hàng TMCP A- Chi nhánh Hà Tây cho toàn bộ thời gian giải ngân thực tế (kể từ thời điểm giải ngân đến thời điểm chuyển nhóm nợ). Đối với nợ gốc quá hạn của các khoản vay theo Chương trình cho vay ngắn hạn lãi suất cạnh tranh năm 2016, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay thông thường theo thông báo của Ngân hàng TMCP A- Chi nhánh Hà Tây cho toàn bộ thời gian

giải ngân thực tế (kể từ thời điểm giải ngân đến thời điểm phát sinh nợ quá hạn).

Tổng số tiền Công ty Cổ phần B đã nhận nợ là 32.241.923.410đ. Khoản vay không có tài sản bảo đảm. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 02/7/2018 Công ty Cổ phần Sản xuất xuất nhập NHP đã trả nợ cho Ngân hàng TM A số tiền 17.402.028.609đ. Dư nợ gốc tính đến ngày 02/7/2018 là 14.839.894.801đ.

Công ty Cổ phần B giải ngân khoản vay đầu tiên tại A - Chi nhánh Tây Hà Nội ngày 28/09/2016 và bắt đầu phát sinh nợ quá hạn kể từ ngày 03/10/2017. Ngày 05/10/2017, A - Chi nhánh Tây Hà Nội đã có thông báo về các khoản nợ quá hạn gửi đến Công ty Cổ phần B, tuy nhiên, Công ty Cổ phần B không trả các khoản nợ quá hạn cho A - Chi nhánh Tây Hà Nội. Kể từ ngày 12/10/2017, các khoản vay của Công ty Cổ phần B tại A - Chi nhánh Tây Hà Nội quá hạn 10 ngày và được phân loại vào nợ nhóm 2 (Nợ cần chú ý) với số dư nợ gốc là 14.988.894.801 đồng.

Sau khi Công ty Cổ phần B để phát sinh nợ quá hạn nhóm 2, A - Chi nhánh Tây Hà Nội đã nhiều lần gửi thông báo và các biên bản làm việc đề nghị Công ty cổ phần B trả nợ. Vì vậy, Công ty cổ phần B đã có công văn về kế hoạch trả nợ gửi cho Ngân hàng, nhưng sau đó Công ty cổ phần B không thực hiện theo kế hoạch trả nợ và cũng không có động thái trả nợ cho A - Chi nhánh Tây Hà Nội, nên Ngân hàng TMCP A khởi kiện và đề nghị Toa án nhân dân huyện PT giải quyết yêu cầu thanh toán nợ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A:

- Về tiền nợ gốc: Công ty cổ phần B đã được Ngân hàng giải ngân số tiền 32.241.923.410đ được thể hiện từ giấy nhận nợ số 01 đến giấy nhận nợ số 19.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, hai bên xác nhận Công ty Cổ phần Sản xuất xuất nhập NHP đã trả nợ tính đến ngày 02/7/2018 là 17.402.028.609đ, còn nợ số tiền gốc là 14.839.894.801 đồng. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc thanh toán nợ gốc được chấp nhận.

- Về tiền nợ lãi: Số tiền nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn mà Ngân hàng yêu cầu Công ty cổ phần B phải trả tính theo lãi suất thực tế áp dụng hiện tại là 8,3%/năm và 8,5%/năm tính đến ngày 02/7/2018 là 1.468.508.697đồng.

Xét thấy: Theo quy định tại mục 3.1. Lãi suất cho vay trong hạn tại Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 83/HM/16/KHDN/VCBHT-NHP ngày 21/9/2016 có ghi: “*Trường hợp các khoản vay theo Chương trình cho vay ngắn hạn lãi suất cạnh tranh năm 2016 bị chuyển nợ nhóm 2, lãi suất cho vay áp dụng là lãi suất cho vay thông thường theo thông*

báo của Ngân hàng TMCP A- Chi nhánh Hà Tây cho toàn bộ thời gian giải ngân thực tế (kể từ thời điểm giải ngân đến thời điểm chuyển nhóm nợ”. Do đó, đối với tất cả các giấy nhận nợ hiện còn đang dư nợ từ giấy nhận nợ số 07 đến giấy nhận nợ số 19, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân ghi trên giấy nhận nợ là 7,3%/năm (lãi suất ưu đãi theo Chương trình cho vay ngắn hạn lãi suất cạnh tranh năm 2016) nhưng do Công ty cổ phần B để chuyển nợ nhóm 2 nên lãi suất thực tế mà Ngân hàng áp dụng hiện tại là 8,3%/năm và 8,5%/năm là phù hợp với quy định tại mục 3.1 của Hợp đồng mà các bên đã ký kết. Vì vậy, yêu cầu về tính lãi suất của Ngân hàng đối với Công ty cổ phần B được chấp nhận. Kể từ ngày 03/7/2018 Công ty cổ phần B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[3] **Về án phí:** Công ty cổ phần B phải chịu án phí Kinh doanh sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 471, 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A đối với Công ty cổ phần B.

Buộc Công ty cổ phần B phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền còn nợ theo Hợp đồng cấp tín dụng số 82/CTD/16/KHDN/VCBHT-NHP ngày 21/09/2016 và Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 83/HM/16/KHDN/VCBHT-NHP ngày 21/09/2016, số tiền tính đến ngày 02/7/2018 là 16.308.403.498 đồng (*Mười sáu tỷ, ba trăm linh tám triệu, bốn trăm linh ba nghìn, bốn trăm chín mươi tám đồng*), trong đó: Nợ gốc: 14.839.894.801 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.468.508.697 đồng.

Kể từ ngày 03/7/2018 Công ty Cổ phần B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

- Về án phí: Công ty Cổ phần B phải chịu 124.308.400đ (*Một trăm hai mươi bốn triệu ba trăm linh tám nghìn bốn trăm đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 61.937.000đ (*Sáu mươi mốt triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn đồng*), theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005244 ngày 21/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, thành phố Hà Nội.

Áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Ngân hàng TMCP A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn

vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Bích Loan

